

Bản án số: 14/2023/HS- PT
Ngày: 13/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Chinh
Bà Lê Thị Hiệu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Chung – Kiểm sát viên

Ngày 13/02/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 351/2022/HSPT ngày 23/11/2022 đối với bị cáo Vi Văn A, Vi Văn B, Vi Văn C do có kháng cáo của các bị cáo A, B và kháng nghị của VKSND huyện F đối với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HSST ngày 18/10/2022 của TAND huyện F, Thanh Hóa.

Bị cáo bị kháng cáo:

1. Vi Văn A, sinh ngày 13/8/1988 tại huyện F, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Đình G (đã chết) và bà Lữ Thị H; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 02/8/2021, bị Công an huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính 500.000đ về hành vi đánh nhau; Bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/6/2022 đến nay. Có mặt.

2. Vi Văn B, sinh ngày 05/10/1981 tại huyện F, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn I và bà Vi Thị K; Có vợ là Hoàng Thị L và 01 con, sinh năm 2014; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 25/5/2011, bị Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/6/2022 đến nay. Có mặt.

3. Vi Văn C, sinh ngày 06/6/1993 tại huyện F, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn M và bà Hà Thị N; Tiền sự, tiền án: Không; Bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/6/2022 đến nay. Vắng mặt.

Người bào chữa:

1. Bà Nguyễn Thị Hương - Trợ giúp viên pháp lý, Trung C trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. (Bào chữa cho bị cáo A và B). Có mặt.

2. Ông Hoàng Đức Hiếu - Trợ giúp viên pháp lý, Trung C trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (Bào chữa cho bị cáo C). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện F tiếp nhận hồ sơ vụ việc “Trộm cắp tài sản” xảy ra vào tối ngày 02/5/2022 tại công trình đập Ná Hiếng thuộc thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa từ Công an xã E với nội dung: Ngày 12/5/2022, anh Hà Văn V, sinh năm 1985, ở xã Thanh Tân, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa là công nhân của Công ty TNHH xây dựng Hùng Sơn đang thi công Công trình đập Ná Hiếng có trình báo về việc tại công trình đập Ná Hiếng mất 01 củ máy phát điện 7,5 KW màu đỏ, nhãn hiệu SANER-MIN DONG, giá trị của củ phát điện tại thời điểm mua (tháng 11/2021) là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Sáng ngày 17/5/2022, các đối tượng Vi Văn C, sinh năm 1993 và Vi Văn B, sinh năm 1981 cùng ở thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa đến Công an xã E để đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản vào tối ngày 02/5/2022 tại Công trình đường lòng hồ đập Ná Hiếng; đồng thời, Vi Văn C giao nộp cho Công an xã E 01 xe mô tô BKS 36K3-123.10, màu đỏ đen, đã qua sử dụng và 01 củ máy phát điện 7,5 KW, màu đỏ nhãn hiệu SANER-MIN DONG đã qua sử dụng cùng những đồ vật, tài liệu khác. Các đối tượng nêu trên đã khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên cùng với Vi Văn A, sinh năm 1988, ở tại thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 18/5/2022, Vi Văn A đã đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện F đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản vào tối ngày 02/5/2022 tại Công trình đường lòng hồ đập Ná Hiếng và giao nộp 02 cò lê hai đầu vòng, có kích thước lần lượt là 26 cm x 01 cm, màu bạc, đã qua sử dụng, Cơ quan CSĐT Công an huyện F đã tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu nói trên.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện F đã gửi Yêu cầu định giá tài sản đến Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện F, yêu cầu định giá tài sản đối với 01 củ máy phát điện 7,5 KW nhãn hiệu SANNER - MIN DONG mà Vi Văn A, Vi Văn B, Vi Văn C trộm cắp.

Hội đồng định giá tài sản có Kết luận số 14/KL-ĐGTS ngày 24/5/2022 trả lời Yêu cầu định giá tài sản của Cơ quan CSĐT - Công an huyện F: Tại thời điểm chiếm đoạt củ máy phát điện 7,5 KW nhãn hiệu SANER MINDONG, màu đỏ, tỷ lệ chất lượng còn lại là 45%, trị giá 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Cơ quan CSĐT - Công an huyện F đã tiến hành xác minh rõ chủ sở hữu tài sản củ máy phát điện mà các đối tượng trộm cắp vào ngày 02/05/2022 tại Công trình đường dân sinh quanh hồ Ná Hiếng, xác định đây là tài sản của anh Hà Văn V, anh V mua để thi công công trình chứ không phải là tài sản của công ty giao mua.

Vi Văn B, Vi Văn A, Vi Văn C khai nhận như sau: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 02/5/2022, Vi Văn B điều khiển xe máy BKS: 36K3 - 091.31 chở theo Vi Văn A đi qua công trình đang xây dựng đường dân sinh quanh hồ Ná Hiếng thuộc thôn D, xã E, huyện F. A phát hiện máy móc của công trình thi công đang để ở ven đường, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau khi xuống xe, đi lại vị trí máy móc của công trình để quan sát, A thấy một củ máy phát điện được cố định vào xe tự chế, nảy sinh ý định trộm cắp nên A đã nói với B là: *“Về lấy cò lê cho anh vận cục này, lấy hai cái 17 và 19”*. Khi nghe A nói vậy, B đồng ý và điều khiển xe máy đi về nhà A tìm kiếm cò lê mang lên cho A để tháo trộm củ máy phát điện. Về đến nhà A, do không tìm thấy cò lê nên B đã gọi cho A, sau khi nghe điện thoại A bảo B sang nhà anh Vi Văn Q, sinh năm 1984 ở cùng thôn lấy cò lê. Khi lấy được cò lê, B mang lên cho A rồi quay xe đi về.

Sau đó, Vi Văn A sử dụng cò lê do Vi Văn B mang lên một mình tháo, vận các con ốc ở chân củ máy phát điện. Sau khi tháo được củ máy phát điện, A lấy xe rùa ở gần đó để chở củ máy phát điện qua dốc hướng về phía nhà anh Bằng và ngồi đợi B.

Do gọi điện cho B không được nên A gọi cho Vi Văn C ở thôn D, E, F, Thanh Hóa đến công trình đường dân sinh quanh hồ Ná Niếng để đón mình. C nghe vậy liền đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 36K-123.10 đến vị trí như đã hẹn để đón A. Khi đến nơi, C gặp A đang ngồi cạnh củ máy phát điện bên đường, lúc này C biết là củ máy phát điện để cạnh A là do A trộm cắp của công trường đang thi công gần đó, lúc đầu C có khuyên A trả lại củ máy phát điện. Tuy nhiên, khi nghe A nói: *“Cái này bán được nhiều tiền”* nên C không ngăn cản nữa mà đồng ý cùng với A lấy củ máy phát điện trên đem về bán. Sau đó, C giữ xe mô tô, để A bê củ máy phát điện lên xe, rồi C điều khiển xe chở theo A ngồi sau ôm củ máy phát điện đi về nhà A để cất giấu. Về đến nhà, C và A bê củ máy phát điện vào trong bếp cất giấu, C đi mua bia rồi về nhà còn A ở nhà một mình. Một lúc sau B sang nhà A chơi thì thấy củ máy phát điện trong nhà bếp, B có khuyên A trả lại củ máy phát điện nhưng A không đồng ý, thấy A cương quyết nên B không nói gì nữa và cùng A đến nhà C để uống bia. Tại nhà C, A nói với C và B sẽ bán củ máy phát điện trên để chia cho anh em, cả C và B đều đồng ý với ý kiến của A. Sau khi uống bia ở nhà C về, sợ bị phát hiện nên A đã một mình kéo củ máy phát điện

ra bờ ao của gia đình ông Lương Văn Phú ở cùng thôn, cách bếp nhà A 20,7m để cất giấu.

Đối với anh Vi Văn Q, sinh năm 1984 ở thôn D, xã E, huyện F là anh ruột của Vi Văn A và có mối quan hệ anh em họ hàng với Vi Văn C, Vi Văn B. Cơ quan CSĐT - Công an huyện F đã tiến hành làm việc, qua đó anh Q khai báo trước ngày 02/5/2022 anh Q có mượn đồ sửa xe của A. Ngày 02/5/2022, anh Q không có nhà nên không biết việc B đến và lấy hai chiếc cò lê trên. Do đó, anh Q không liên quan đến vụ án.

Đối với anh Vi Văn R, sinh năm 1990 ở thôn D, xã E, huyện F. Cơ quan CSĐT - Công an huyện F đã tiến hành làm việc, qua đó anh R khai báo về việc tối ngày 02/5/2022 Vi Văn A và Vi Văn B có đến nhà anh R để ăn cơm và uống rượu, sau khi ăn cơm xong thì B và A cùng nhau ra về. Anh R không biết việc B và A trộm cắp tài sản, do đó anh R không liên quan đến vụ án.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 xe máy, BKS 36K-123.10, màu sơn đỏ, nhãn hiệu: YAMAHA, loại SIRIUS, số khung RLCUE3720LY023728, số máy E32VE106281 đã qua sử dụng; Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên là xe của Vi Văn A cho Vi Văn C mượn để đi lại, khi A gọi, C dùng xe mô tô này đi lên chỗ A để chở củ máy phát điện về nhà A để cất giấu.

- 02 cò lê đầu vòng có kích thước 26cm x 01cm và 22cm x 01cm, tình trạng đã qua sử dụng, A dùng để tháo củ máy phát điện.

Hiện nay đã được chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện F để chờ xử lý.

- 01 củ máy phát điện 7,5 KW, nhãn hiệu SANER MINDONG, màu đỏ, đã qua sử dụng. Ngày 08/6/2022, bị hại Hà Văn V đã có đơn xin lại củ máy phát điện trên, nên Cơ quan điều tra đã trả lại củ máy phát điện trên cho V để tiếp tục thi công tại công trường.

Về dân sự: Bị hại Hà Văn V không yêu cầu Vi Văn A, Vi Văn B, Vi Văn C bồi thường thiệt hại về dân sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HSST ngày 18/10/2022 của TAND huyện F, Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS (đối với A); Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS (đối với B); Khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS (đối với C); Điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Vi Văn A, Vi Văn B, Vi Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

- Bị cáo Vi Văn A 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Bị cáo Vi Văn B 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe máy, BKS 36K-123.10, màu sơn đỏ, nhãn hiệu: YAMAHA, loại SIRIUS, số khung RLCUE3720LY023728, số máy E32VE106281; Tịch thu tiêu hủy 02 cờ lê đầu vòng có kích thước 26cm x 01cm và 22cm x 01cm; Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số:02/2023/TSVC ngày 11/10/2022 giữa Công an huyện F, tỉnh Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện F, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí: Vi Văn A, Vi Văn B, Vi Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên Bị cáo Vi Văn C 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

* Ngày 24/10/2022 bị cáo Vi Văn A kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt, đề nghị được nhận lại chiếc xe mô tô YAMAHA SIRUS BKS 36K 123.10 và bị cáo Vi Văn B kháng cáo xin được hưởng án treo.

* Viện kiểm sát nhân dân huyện F Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ – VKSNX ngày 27/10/2022 với nội dung: Đề nghị sửa phần hình phạt, theo hướng cho bị cáo Vi Văn B được hưởng án treo; Trả cho bị cáo A chiếc xe mô tô 36K -123.10; Miễn án phí HSST cho cả ba bị cáo.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị cáo A và B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa đề nghị:

+ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Văn A về đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được nhận lại chiếc xe mô tô YAMAHA SIRUS BKS 36K 123.10.

+ Rút một phần Quyết định kháng nghị số 02/QĐ – VKSNX ngày 27/10/2022 của VKSND huyện F, về phần xử lý vật chứng là trả lại chiếc xe mô tô BKS 36K- 123.10 cho bị cáo Vi Văn A.

+ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Văn B và chấp nhận phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện F: Đề nghị xem xét cho bị cáo Vi Văn B được hưởng án treo. Áp dụng thêm Điều 65 BLHS giữ nguyên mức hình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đối với bị cáo Vi Văn B.

+ Chấp nhận phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện F về áp dụng án phí hình sự sơ thẩm. Đề nghị miễn án phí HSST cho các bị cáo Vi Văn A, Vi Văn C và Vi Văn B.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo A và B kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện F kháng nghị trong hạn luật định nên chấp nhận để xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của VKSND huyện F:

2.1. Xét nội dung kháng cáo của Vi Văn A, đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Vi Văn A là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê Vi Văn B và Vi Văn C cùng tham gia vào việc phạm tội, giữ vai trò đầu vụ. Bị cáo đã được cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, đầu thú, bị hại đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Nhân thân bị cáo có 01 tiền sự bị Công an huyện Cẩm Thủy xử phạt hành chính 500.000đ về hành vi đánh nhau. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vi Văn A 09 (chín) tháng tù là có xem xét các tình tiết giảm nhẹ, có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A về hình phạt.

2.2. Xét nội dung kháng cáo của Vi Văn A về đề nghị được nhận lại chiếc xe mô tô YAMAHA SIRUS BKS 36K 123.10:

Chiếc xe mô tô YAMAHA SIRUS BKS 36K 123.10 là vật chứng của vụ án, do bị cáo Vi Văn A đứng tên chủ sở hữu, đã được bị cáo A và bị cáo C sử dụng làm phương tiện vận chuyển củ máy phát điện trộm cắp được, từ công trường xây dựng hồ Na Hiếng về bếp nhà Vi Văn A để cất dấu, là vật trực tiếp liên quan đến việc phạm tội và là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Do đó, cấp sơ thẩm tịch thu nộp ngân sách Nhà nước chiếc xe máy là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên không có căn cứ xét kháng của bị cáo Vi Văn A về yêu cầu trả lại chiếc xe mô tô BKS 36 K3- 123.10.

2.3. Xét nội dung kháng cáo của Vi Văn B và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện F đề nghị cho bị cáo Vi Văn B hưởng án treo.

Vi Văn B mặc dù không trực tiếp tham gia vào việc tháo gỡ, vận chuyển hay cất giấu củ máy phát điện, nhưng là người tự nguyện giúp Vi Văn A về nhà Vi Văn A tìm, mang đến cho Vi Văn A 02 chiếc cờ lê làm công cụ để A thực hiện hành vi trộm cắp củ máy phát điện, nên có vai trò là người giúp sức trong vụ án, đã được áp dụng tình tiết khai báo thành khẩn, đầu thú là những tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Mặc dù nhân thân bị cáo ngày 25/5/2011, bị Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 36 tháng, về tội “*Vi phạm các quy định về bảo vệ rừng*”, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vi Văn B 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, là có căn cứ.

Tuy nhiên, sau khi xem xét nội dung, tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết có liên quan, nhận thấy: Đây là vụ án ít nghiêm trọng, tài sản bị xâm hại giá trị không lớn, đã được thu hồi trả lại cho bị hại, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo B có mức độ, đóng vai trò thứ yếu trong vụ án có đồng phạm, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, khai báo thành khẩn, bị hại đề nghị xin giảm nhẹ cho các bị cáo. Về nhân thân bị cáo năm 2011, bị Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Thanh Hóa; xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “*Vi phạm các quy định về bảo vệ rừng*”, quá trình ở địa phương không vi phạm, đã được xóa án tích từ lâu, mặt khác bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Thái), sinh sống ở vùng cao nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết hạn chế, bản thân bị cáo đang có di chứng sau tai nạn, bị gãy xương đùi, vợ bỏ nhà đi không quan C đến gia đình, là lao động chính trong gia đình, đang trực tiếp nuôi bố mẹ già và con nhỏ, có xác nhận của chính quyền địa phương xã E, nên có căn cứ chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện F và kháng cáo bị cáo Vi Văn B cho bị cáo B được hưởng án treo cũng đủ điều kiện cải tạo thành công dân tốt.

2.4. Xét phần kháng nghị của Viện KSND huyện F đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo Vi Văn A, Vi Văn C và Vi Văn B, đều là người dân tộc thiểu số (dân tộc Thái), sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo và thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định, đều có đơn xin xét miễn cho phần án phí hình sự sơ thẩm. Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo Vi Văn A và Vi Văn B, là bà Nguyễn Thị Hương cũng có văn bản đề nghị xét miễn nộp tiền án phí cho các bị cáo. Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện F, miễn án phí HSST cho các bị cáo Vi Văn A, Vi Văn C và Vi Văn B là phù hợp.

[3] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí HSPT.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điểm a, b Khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điểm e Khoản , Khoản 3 Điều 357; Khoản 2 Điều 348 BLTTHS.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Văn A; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Văn B và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện F. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HSST ngày 18/10/2022 của TAND huyện F, Thanh Hóa về hình phạt của bị cáo B và án phí HSST của các bị cáo.

2. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS (đối với A); Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS (đối với B); Điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Vi Văn A, Vi Văn B, Vi Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

- Bị cáo Vi Văn A 09 (chín) tháng tù tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Bị cáo Vi Văn B 06 (sáu) tháng tù tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe máy, BKS 36K-123.10, màu sơn đỏ, nhãn hiệu: YAMAHA, loại SIRIUS, số khung RLCUE3720LY023728, số máy E32VE106281 của Vi Văn A (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 02/2023/TSVC ngày 11/10/2022 giữa Công an huyện F, tỉnh Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện F, tỉnh Thanh Hóa)

3. Án phí: Vi Văn A, Vi Văn B, Vi Văn C không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P7);
- TAND huyện F;
- VKSND huyện F;
- Công an huyện F;
- Chi cục THADS huyện F;
- Bị cáo; bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP, Toà Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Dung